

Bản án số: 19/2018/ HS-ST
Ngày: 28/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA , TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Tha

Bà Lê Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/HSST-QĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

T - Sinh năm: 1990, tại xã S, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn M, xã Ninh T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N, sinh năm 1965; con bà S, sinh năm 1963; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 07/12/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, đã chấp hành xong thời gian thử thách ngày 07/12/2016; bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/11/2017, có mặt.

- Người bị hại:

1. Ông Q - Sinh năm: 1985 - Nơi cư trú: Thôn T, xã S, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, có mặt;

2. Ông P - Sinh năm: 1968 - Nơi cư trú: Thôn K, xã S, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, có mặt;

3. Ông K - Sinh năm: 1965 - Nơi cư trú: Thôn T, xã S, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt;

4. Ông L - Sinh năm: 1987 - Nơi cư trú: Thôn K, xã S, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông CL - Sinh năm: 1991 - Nơi cư trú: Thôn T, xã S, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, có mặt;

2. Ông M - Sinh năm: 1961 - Nơi cư trú: Thôn T, xã X, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt;

3. Bà T - Sinh năm: 1973 - Nơi cư trú: Thôn S, xã X, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, có mặt;

4. Bà S - Sinh năm: 1963 - Nơi cư trú: Thôn M, xã T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, có mặt;

5. Bà O - Sinh năm: 1966 - Nơi cư trú: Thôn N, xã T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt;

6. Bà N - Nơi cư trú: Thôn N, xã T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt;

- *Người làm chứng:*

1. Bà K - Sinh năm: 1966 - Nơi cư trú: Thôn T, xã S, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, có mặt;

2. Bà N - Sinh năm: 1962 - Nơi cư trú: Thôn K, xã Ninh S, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, có mặt;

3. Ông X - Sinh năm: 1962 - Nơi cư trú: Thôn M, xã X, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản và được hưởng án treo, nhưng khi chưa được xóa án tích thì lại tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp để lấy tiền tiêu xài. Khoảng 07 giờ ngày 11/6/2017, T mượn xe mô tô biển số 79K6-5058 của ông M để đi công việc nhưng sau đó sử dụng xe này đến nhà ông Q ở thôn T, xã S, thị xã H để lấy trộm, thấy ông Q để phân bón bên hông nhà không có người trông coi, T vào trong rình 02 bao bỏ lên xe chở đến tiệm tạp hóa để bán thì bị người nhà ông Q phát hiện và truy hô người dân bắt giữ.

Quá trình điều tra còn xác minh, với động cơ, mục đích như trên, thời gian từ tháng 5 đến tháng 6/2017, T còn nhiều lần trộm cắp phân bón của người khác. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 26/5/2017, T đến nhà ông P ở thôn K, xã S thấy không có người nên chạy xe vào lấy 02 bao phân bón NPK hiệu Việt Nhật loại 50kg/bao rồi chở đến bán cho ông CL ở thôn T, xã S lấy 820.000đ.

Lần 2: Ngày 28/5/2017, T tiếp tục đến nhà ông P lấy trộm 03 bao phân bón cùng loại rồi đem đến bán cho ông CL lấy 1.230.000đ.

Lần 3: Ngày 06/6/2017, lợi dụng sơ hở nhà ông K ở thôn T, xã S, thị xã H để phân bón trước thềm nhà không có người trông coi, T vào lấy trộm 02 bao phân bón NPK hiệu Việt Nhật loại 50kg/bao rồi tiếp tục bán cho ông CL lấy 820.000đ.

Sau khi bị khởi tố và T đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú thì ngày 28/11/2017, T tự ý lấy xe mô tô biển số 79N3-1965 của bà S (mẹ T) để tiếp tục tìm nơi trộm cắp. Sau đó, T đến nhà ông L ở thôn M, xã X, thị xã H lấy trộm 01 máy phát điện hiệu Champion của ông L để ngoài vườn đem đi tiêu thụ thì bị phát hiện.

Theo kết luận định giá tài sản số 88 ngày 05/10/2017; số 89 ngày 6/10/2017; số 90 ngày 09/10/2017; số 91 ngày 10/10/2017; số 116 ngày 06/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã H xác định: 02 bao phân bón của ông Q có giá trị 900.000đ; 05 bao phân bón của ông P có giá trị 2.250.000đ; 02 bao phân bón của ông K có giá trị 900.000đ; 01 máy phát điện của ông L có giá trị 3.800.000đ.

Trong vụ án này, ông CL có hành vi mua tài sản của T nhưng không biết rõ tài sản do phạm tội mà có nên không có dấu hiệu tội phạm.

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKSNH ngày 01 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo T từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Những bị hại K, L; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan M, O, N vắng mặt nên tách thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu. Những bị hại Q, P; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T, S có mặt nhưng không yêu cầu nên không xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan CL yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.870.000đ (07 bao phân bón x 410.000đ/01 bao); bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền 2.870.000đ nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Tại phiên tòa, vắng mặt những người bị hại K, L; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan M, O, N; người làm chứng X nhưng xét thấy họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292; 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết luận của Kiểm sát viên. Do đó, hành vi của bị cáo T đã thực hiện có đủ các yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương và làm giảm sút niềm tin giữa con người với nhau.

Chỉ vì lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật lén lút chiếm đoạt tài sản của nhiều người khác. Sau khi bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo T lại lén lút chiếm đoạt 01 máy phát điện của ông Q. Ngoài ra, bị cáo T còn có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà còn tái phạm. Điều đó, thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm và cách ly khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo. Tuy nhiên, xét trong giai đoạn điều tra cũng như thẩm vấn tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn và đã trả cho chủ sở hữu nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Những bị hại K, L; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan M, O, N vắng mặt nên tách thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Những bị hại Q, P; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T, S có mặt nhưng không yêu cầu nên không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan CL yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.870.000đ (07 bao phân bón x 410.000đ/01 bao); bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền 2.870.000đ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan CL. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan CL. Bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan CL số 2.870.000đ.

[5] Về vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Trong vụ án này, ông CL có hành vi mua tài sản của T nhưng không biết rõ tài sản do phạm tội mà có nên không có dấu hiệu tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Căn cứ Điều 136; khoản 2 Điều 292; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo T 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 28/11/2017).

Về trách nhiệm dân sự: Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại thành 01 vụ kiện dân sự khác khi bị hại K, L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan M, O, N vắng mặt có đơn yêu cầu. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan CL. Bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan CL số 2.870.000đ (Hai triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án dân sự được quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án , bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an Tx. Ninh Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an Tx. Ninh Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Nguyệt